KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN TOÁN 11

ĐẠI SỐ VÀ GIẢI TÍCH

TT	Chương	Bài	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Nội dung điều chỉnh	Hướng dẫn thực hiện
1	Chương I. Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác	§1. Hàm số lượng giác	*Về kiến thức:* Hiểu khái niệm hàm số lượng giác (của biến số thực). *Về kỹ năng.* - Xác định được: tập xác định; tập giá trị; tính chất chẵn, lẻ; tính tuần hoàn; chu kì; khoảng đồng biến, nghịch biến của các hàm số y = sinx: y = cosx; y = tanx; y = cotx. - Vẽ được đồ thị của các hàm số y = sinx: y = cosx; y = tanx; y = cotx.	5 (1 - 5)	HĐ 1, HĐ 3	Tự học có hướng dẫn
		§2. Phương trình lượng giác cơ bản	*Về kiến thức:* Biết các phương trình lượng giác cơ bản: sinx = m; cosx = m; tanx = m; cotx = m và công thức nghiệm. *Về kỹ năng:* Giải thành thạo phương trình lượng giác cơ bản. Biết sử dụng máy tính bỏ túi để giải phương trình lượng giác cơ bản.	6 (6 - 11)	HĐ 4	Tự học có hướng dẫn
		§3. Một số phương trình lượng giác thường gặp	*Về kiến thức:* Biết dạng và cách giải các phương trình: bậc nhất, bậc hai đối với một hàm số lượng giác; asinx+bcosx = c. *Về kỹ năng.* Giải được phương trình thuộc dạng nêu trên.	7 (12 - 18)	HĐ 3, 4, 5 Bài tập 4c, d; 6	Tự học có hướng dẫn Không yêu cầu
		Ôn tập chương I		2 (19, 20)		

2	Chương II. Tổ hợp – Xác suất	§1. Quy tắc đếm	*Về kiến thức:* - Biết: Quy tắc cộng và quy tắc nhân; *Về kỹ năng:* - Bước đầu vận dụng được quy tắc cộng và quy tắc nhân.	2 (21, 22)	HĐ 1	Tự học có hướng dẫn
		§2. Hoán vị-Chỉnh hợp-Tổ hợp	*Về kiến thức:* - Biết: Hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp chập k của n phần tử; *Về kỹ năng:* - Tính được số các hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp chập k của n phần tử .	3 (23, 24, 25)	HĐ 4	Tự học có hướng dẫn
		Kiểm tra giữa kỳ		1 (26)		
		§3. Nhị thức Niu-Tơn	*Về kiến thức:* Biết: Công thức Nhị thức Niu-tơn $(a+b)^n$. *Về kỹ năng:* - Biết khai triển nhị thức Niu-tơn với một số mũ cụ thể. -Tìm được hệ số của x^k trong khai triển $(ax + b)^n$ thành đa thức	2 (27, 28)	HĐ 1, HĐ 2	Tự học có hướng dẫn
		§4. Phép thử và biến cố	*Về kiến thức.* - Biết : Phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố liên quan đến phép thử ngẫu nhiên. *Về kỹ năng :* - Xác định được: phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố liên quan đến phép thử ngẫu nhiên.	2 (29, 30)		
		§5. Xác suất của biến cố	*Về kiến thức.* - Biết : Định nghĩa xác suất của biến cố. - Biết tính chất: P(i) = 0; P(Ù) =1; 0 ≤ P(A) ≤1. - Biết (không chứng minh) định lí cộng xác	3 (31, 32, 33)	HĐ 1, HĐ 2	Tự học có hướng dẫn

			suất và định lí nhân xác suất. *Về kỹ năng :* - Biết dùng máy tính bỏ túi hỗ trợ tính xác suất.			
		Ôn tập chương II		2 (34, 35)		
3	Chương III. Dãy số - Cấp số cộng và cấp số nhân	§1. Phương pháp quy nạp toán học	*Về kiến thức:* - Hiểu được phương pháp quy nạp toán học. *Về kỹ năng:* - Biết cách chứng minh một số mệnh đề đơn giản bằng quy nạp.	2 (36, 37)	HĐ 3	Khuyến khích học sinh tự làm
		§2. Dãy số	*Về kiến thức:* - Biết khái niệm dãy số; cách cho dãy số (bởi công thức tổng quát; bởi hệ thức truy hồi; mô tả); dãy số hữu hạn, vô hạn. - Biết tính tăng, giảm, bị chặn của một dãy số. *Về kỹ năng:* - Chứng minh được tính tăng, giảm, bị chặn của một dãy số đơn giản cho trước.	2 (38, 39)	HĐ 2, 5, Ví dụ 6	Tự học có hướng dẫn
		§3. Cấp số cộng	*Về kiến thức:* - Biết được: khái niệm cấp số cộng, tính chất $u_k = \frac{u_{k-1} + u_{k+1}}{2}; k \geq 2$, số hạng tổng quát u_n, tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số cộng S_n. *Về kỹ năng:* - Tìm được các yếu tố còn lại khi cho biết 3 trong 5 yếu tố u_1, u_n, n, d, S_n.	2 (40, 41)		
		§4. Cấp số nhân	*Về kiến thức:* - Biết được: khái niệm cấp số nhân, tính chất $u_k^2 = u_{k-1}.u_{k+1}; k \geq 2$, số hạng tổng quát u_n, tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số nhân S_n. *Về kỹ năng:*	2 (42, 43)	Bài tập 1, 6	Khuyến khích học sinh tự làm

			- Tìm được các yếu tố còn lại khi cho biết 3 trong 5 yếu tố u_1, u_n, n, q, S_n.			
		Ôn tập chương III		1 (44)	Bài tập: 15, 18, 19	Không yêu cầu
		Ôn tập cuối HK I		2 (45, 46)		
		Kiểm tra cuối HK I		1 (47)		
		Trả bài Kiểm tra cuối HK I		1 (48)		
4	Chương IV. Giới hạn	§1. Giới hạn của dãy số	*Về kiến thức:* - Biết khái niệm giới hạn của dãy số (thông qua ví dụ cụ thể). - Biết (không chứng minh): +/ Định lí về: lim $(u_n \pm v_n)$, lim $(u_n . v_n)$, lim $\left(\frac{u_n}{v_n}\right)$. *Về kỹ năng :* - Biết vận dụng: $\lim \frac{1}{n} = 0$; $\lim \frac{1}{\sqrt{n}} = 0$; $\lim q^n = 0, \ \|q\| < 1$ để tìm giới hạn của một số dãy số đơn giản. - Tìm được tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn.	4 (49 - 52)	HĐ 1, 2; VD 1, 6	Khuyến khích học sinh tự đọc
					Bài tập 1, 2	Khuyến khích học sinh tự làm
		§2. Giới hạn của hàm số	*Về kiến thức :* - Biết khái niệm giới hạn của hàm số. - Biết (không chứng minh): +/ Nếu $\lim_{x \to x_0} f(x) = L$, $f(x) \geq 0$ với $x \neq x_0$ thì $L \geq 0$ và $\lim_{x \to x_0} \sqrt{f(x)} = \sqrt{L}$ +/ Định lí về giới hạn: $\lim_{x \to x_0} [f(x) \pm g(x)]$	5 (53 - 57)	HĐ 1, HĐ 3	Khuyến khích học sinh tự đọc
					Bài tập 2, 5	Khuyến khích học sinh tự làm

			$\lim_{x\to x_0}[f(x).g(x)]$, $\lim_{x\to x_0}\frac{f(x)}{g(x)}$. *Về kỹ năng:* Trong một số trường hợp đơn giản, tính được - Giới hạn của hàm số tại một điểm. - Giới hạn một bên của hàm số. - Giới hạn của hàm số tại $\pm\infty$.			
		§3. Hàm số liên tục	*Về kiến thức:* - Biết định nghĩa hàm số liên tục (tại một điểm, trên một khoảng). - Định lí về tổng, hiệu, tích, thương của hai hàm số liên tục. - Định lí: Nếu f(x) liên tục trên một khoảng chứa hai điểm a, b và f(a).f(b) < 0 thì tồn tại ít nhất một điểm c ∈(a,b) sao cho f(c) = 0. *Về kỹ năng :* - Biết ứng dụng các định lí nói trên xét tính liên tục của một hàm số đơn giản. - Biết chứng minh một phương trình có nghiệm dựa vào định lí về hàm số liên tục.	2 (58, 59)	HĐ 1, 3	Tự học có hướng dẫn
					Bài tập 4, 5	Khuyến khích học sinh tự làm
		Ôn chương IV		2 (60, 61)	Bài tập 2, 6	Khuyến khích học sinh tự làm
					Bài tập 9, 15	Không yêu cầu
5	Chương V. Đạo hàm	§1. Định nghĩa và ý nghĩa đạo hàm	*Về kiến thức:* - Biết định nghĩa đạo hàm (tại một điểm, trên một khoảng). - Biết ý nghĩa cơ học và ý nghĩa hình học của đạo hàm. *Về kỹ năng:* - Tính được đạo hàm của hàm luỹ thừa, hàm đa thức bậc 2 hoặc 3 theo định nghĩa; - Viết được phương trình tiếp tuyến của đồ	3 (62, 63, 64)	Mục 1. Các bài toán dẫn đến khái niệm đạo hàm.	Khuyến khích học sinh tự đọc
					HĐ 3, HĐ 4	Tự học có hướng dẫn
					Phần chứng minh Định lí 2	Khuyến khích học sinh tự đọc

			thị hàm số tại một điểm thuộc đồ thị - Biết tìm vận tốc tức thời tại một thời điểm của một chuyển động có phương trình S = f(t).		Bài tập 5, 6	Chuyển về sau §2. Quy tắc tính đạo hàm
		Kiểm tra giữa kỳ		1 (65)		
		§2. Quy tắc tính đạo hàm	*Về kiến thức:* Biết quy tắc tính đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương các hàm số; hàm hợp và đạo hàm của hàm hợp. *Về kỹ năng:* Tính được đạo hàm của hàm số được cho ở các dạng nói trên.	3 (66, 67, 68)	HĐ 2, HĐ 5	Tự học có hướng dẫn
					Phần chứng minh Định lí 1và 2	Khuyến khích học sinh tự đọc
					Bài tập 1	Khuyến khích học sinh tự làm
		§3. Đạo hàm của hàm số lượng giác	*Về kiến thức:* - Biết (không chứng minh): $\lim_{x\to 0}\frac{\sin x}{x}=1$. - Biết đạo hàm của hàm số lượng giác. *Về kĩ năng:* - Tính được đạo hàm của một số hàm số lượng giác.	2 (69, 70)	HĐ 1, HĐ 4	Tự học có hướng dẫn
					Bài tập 2	Khuyến khích học sinh tự làm
		§4. Vi phân	*Về kiến thức :* - Biết định nghĩa vi phân. *Về kỹ năng :* - Tính được vi phân của các hàm số đơn giản	1 (71)		
		§5. Đạo hàm cấp hai	*Về kiến thức :* - Biết định nghĩa đạo hàm cấp hai. *Về kỹ năng :* Tính được - Đạo hàm cấp hai của một số hàm số. - Gia tốc tức thời của một chuyển động có phương trình S = f(t) cho trước.	1 (72)		
		Ôn tập chương V		2 (73, 74)		

		Ôn tập cuối HK II		2 (75, 76)		
		Kiểm tra cuối HK II		1 (77)		
		Trả bài kiểm tra cuối HK II		1 (78)		

HÌNH HỌC

1	Chương I. Phép dời hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng	§1, 2. Phép tịnh tiến	*Về kiến thức:* Biết được: - Định nghĩa của phép tịnh tiến; - Phép tịnh tiến có các tính chất của phép dời hình; - Biểu thức toạ độ của phép tịnh tiến. *Về kỹ năng:* - Dựng được ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác qua phép tịnh tiến	2 (1, 2)	HĐ 1, HĐ 2 (§1) Cả 2 bài	Tự học có hướng dẫn Dạy gộp §1 với §2.
		§3, 4. Phép đối xứng trục. Phép đối xứng tâm	*Về kiến thức:* Biết được : - Định nghĩa của phép đối xứng trục; - Phép đối xứng trục có các tính chất của phép dời hình; - Biểu thức toạ độ của phép đối xứng qua mỗi trục toạ độ; - Trục đối xứng của một hình, hình có trục đối xứng. - Định nghĩa của phép đối xứng tâm; - Phép đối xứng tâm có các tính chất của phép dời hình; - Biểu thức toạ độ của phép đối xứng qua gốc toạ độ; - Tâm đối xứng của một hình, hình có tâm đối xứng. *Về kỹ năng :* - Dựng được ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác qua phép đối xứng trục - Xác định được biểu thức toạ độ; trục đối xứng của một hình. - Dựng được ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác qua phép đối xứng tâm - Xác định được biểu thức toạ độ; tâm đối xứng của một hình	1 (3)	Cả 2 bài	Tự học có hướng dẫn

		§5. Phép quay	*Về kiến thức:*	1		
			Biết được: - Định nghĩa của phép quay; - Phép quay có các tính chất của phép dời hình. *Về kỹ năng :* - Dựng được ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác qua phép quay	(4)		
		§6. Khái niệm về phép dời hình và hai hình bằng nhau	*Về kiến thức:* Biết được: - Khái niệm về phép dời hình; - Phép tịnh tiến, đối xứng trục, đối xứng tâm, phép quay là phép dời hình; - Nếu thực hiện liên tiếp hai phép dời hình thì ta được một phép dời hình; - Phép dời hình: biến ba điểm thẳng hàng thành ba điểm thẳng hàng và thứ tự giữa các điểm được bảo toàn; biến đường thẳng thành đường thẳng; biến tia thành tia; biến đoạn thẳng thành đoạn thẳng bằng nó; biến tam giác thành tam giác bằng nó; biến góc thành góc bằng nó; biến đường tròn thành đường tròn có cùng bán kính; - Khái niệm hai hình bằng nhau. *Về kỹ năng :* - Bước đầu vận dụng phép dời hình trong bài tập đơn giản - Nhận biết được hai tam giác, hình tròn bằng nhau.	1 (5)	HĐ 2, 3, 5 Bài tập 2	Tự học có hướng dẫn Khuyến khích học sinh tự làm

		§7. Phép vị tự	*Về kiến thức:* Biết được: - Định nghĩa phép vị tự (biến hai điểm M, N lần lượt thành hai điểm M', N' thì $\begin{cases} \overline{M'N'} = k\overline{MN} \\ M'N' = \lvert k \rvert MN \end{cases}$); - ảnh của một đường tròn qua một phép vị tự.	1 (6)	Mục III. Tâm vị tự của hai đường tròn	Khuyến khích học sinh tự đọc
			Về kỹ năng : - Dựng được ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một đường tròn,... qua một phép vị tự. - Bước đầu vận dụng được tính chất của phép vị tự để giải bài tập.			
		§8. Phép đồng dạng	*Về kiến thức:* Biết được : - Khái niệm phép đồng dạng; - Phép đồng dạng: biến ba điểm thẳng hàng thành ba điểm thẳng hàng và bảo toàn thứ tự giữa các điểm; biến đường thẳng thành đường thẳng; biến một tam giác thành tam giác đồng đạng với nó; biến đường tròn thành đường tròn; - Khái niệm hai hình đồng dạng. *Về kỹ năng*: - Bước đầu vận dụng được phép đồng dạng để giải bài tập. - Nhận biết được hai tam giác đồng dạng. - Xác định được phép đồng dạng biến một trong hai đường tròn cho trước thành đường tròn còn lại.	1 (7)	HĐ 1, 2, 3, 4	Tự học có hướng dẫn
		Ôn tập chương I		2 (8, 9)		

2	Chương II. Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Quan hệ song song	§1. Đại cương về đường thẳng và mặt phẳng	*Về kiến thức*: - Biết các tính chất thừa nhận: +/ Có một và chỉ một mặt phẳng đi qua ba điểm không thẳng hàng cho trước +/ Nếu một đường thẳng có hai điểm phân biệt thuộc một mặt phẳng thì mọi điểm của đường thẳng đều thuộc mặt phẳng đó +/ Có bốn điểm không cùng thuộc một mặt phẳng +/ Nếu hai mặt phẳng phân biệt có một điểm chung thì chúng có một điểm chung khác	4 (10 -13)	HĐ 2, HĐ 6	Tự học có hướng dẫn
			+/ Trên mỗi mặt phẳng, các kết quả đã biết trong hình học phẳng đều đúng. - Biết được ba cách xác định mặt phẳng (qua ba điểm không thẳng hàng; qua một đ-ường thẳng và một điểm không thuộc đ-ường thẳng đó; qua hai đường thẳng cắt nhau). - Biết được khái niệm hình chóp; hình tứ diện. *Về kỹ năng* : - Vẽ được hình biểu diễn của một số hình không gian đơn giản. - Xác định được: giao tuyến của hai mặt phẳng; giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng; - Biết sử dụng giao tuyến của hai mặt phẳng chứng minh ba điểm thẳng hàng trong không gian - Xác định được: đỉnh, cạnh bên, cạnh đáy, mặt bên, mặt đáy của hình chóp			
		§2. Hai đường thẳng chéo nhau và hai đường thẳng	*Về kiến thức*: - Biết khái niệm hai đường thẳng: trùng nhau, song song, cắt nhau, chéo nhau trong	3 (14, 15, 16)		

		song song	không gian; - Biết (không chứng minh) định lí: "Nếu hai mặt phẳng phân biệt lần lượt chứa hai đường thẳng song song mà cắt nhau thì giao tuyến của chúng song song (hoặc trùng) với một trong hai đường đó". *Về kỹ năng*: - Xác định được vị trí tương đối giữa hai đường thẳng. - Biết cách chứng minh hai đường thẳng song song. - Biết áp dụng định lí trên để xác định giao tuyến hai mặt phẳng trong một số trường hợp đơn giản.			
		§3. Đường thẳng và mặt phẳng song song	*Về kiến thức*: - Biết khái niệm và điều kiện đường thẳng song song với mặt phẳng. - Biết (không chứng minh) định lí: " Nếu đường thẳng a song song với mặt phẳng P thì mọi mặt phẳng Q chứa a và cắt P thì cắt theo giao tuyến song song với a". *Về kỹ năng* : - Xác định được vị trí tương đối giữa đường thẳng và mặt phẳng. - Biết cách vẽ hình biểu diễn một đường thẳng song song với một mặt phẳng; chứng minh một đường thẳng song song với một mặt phẳng. - Biết dựa vào các định lí trên xác định giao tuyến hai mặt phẳng trong một số trường hợp đơn giản.	2 (17, 18)		
		§4. Hai mặt phẳng song song	*Về kiến thức*: Biết được: - Khái niệm và điều kiện hai mặt phẳng song song;	3 (19, 20, 21)		

			- Định lí Ta-lét (thuận và đảo) trong không gian; - Khái niệm hình lăng trụ, hình hộp; - Khái niệm hình chóp cụt. *Về kỹ năng :* - Biết cách chứng minh hai mặt phẳng song song. - Vẽ được hình biểu diễn của hình hộp; hình lăng trụ, hình chóp có đáy là tam giác, tứ giác. - Vẽ được hình biểu diễn của hình chóp cụt với đáy là tam giác, tứ giác.			
		Ôn tập cuối HK I		1 (22)		
		Kiểm tra cuối HK I		1 (23)		
		Trả bài kiểm tra cuối HK I		1 (24)		
		§5. Phép chiếu song song. Hình biểu diễn của một hình không gian	*Về kiến thức:* Biết được: - Khái niệm phép chiếu song song; - Khái niệm hình biểu diễn của một hình không gian. *Về kĩ năng :* - Xác định được: phương chiếu; mặt phẳng chiếu trong một phép chiếu song song. Dựng được ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác, một đường tròn qua một phép chiếu song song. - Vẽ được hình biểu diễn của một hình không gian.	1 (25)	HĐ 2, HĐ 6	Tự học có hướng dẫn
		Ôn tập chương II		1 (26)		
3	Chương III.	§1. Vectơ trong	*Về kiến thức* : Biết được :	3 (27, 28, 29)	HĐ 2, 4, 6, 7	Tự học có hướng dẫn

	Vectơ trong không gian. Quan hệ vuông góc	không gian	- Quy tắc hình hộp để cộng vectơ trong không gian; - Khái niệm và điều kiện đồng phẳng của ba vectơ trong không gian. *Về kỹ năng :* - Xác định được góc giữa hai vectơ trong không gian. - Vận dụng được: phép cộng, trừ; nhân vectơ với một số, tích vô hướng của hai vectơ; sự bằng nhau của hai vectơ trong không gian. - Biết cách xét sự đồng phẳng hoặc không đồng phẳng của ba vectơ trong không gian.			
		§2. Hai đường thẳng vuông góc	*Về kiến thức:* Biết được: - Khái niệm vectơ chỉ phương của đường thẳng; - Khái niệm góc giữa hai đường thẳng;	2 (30, 31)	HĐ 2, HĐ 4 Bài tập 6, 7	Tự học có hướng dẫn Khuyến khích học sinh tự làm
			- Khái niệm và điều kiện hai đường thẳng vuông góc với nhau. *Về kỹ năng :* - Xác định được vectơ chỉ phương của đường thẳng; góc giữa hai đường thẳng. - Biết chứng minh hai đường thẳng vuông góc với nhau.			
		§3. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	*Về kiến thức:* Biết được: - Định nghĩa và điều kiện đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; - Khái niệm phép chiếu vuông góc;	3 (32, 33, 34)	HĐ 1, HĐ 2 Phần chứng minh các định lí	Tự học có hướng dẫn Tự học có hướng dẫn

			- Khái niệm mặt phẳng trung trực của một đoạn thẳng. *Về kỹ năng :* - Biết cách chứng minh: một đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; một đường thẳng vuông góc với một đường thẳng. - Xác định được véctơ pháp tuyến của một mặt phẳng. - Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. - Bước đầu vận dụng được định lí ba đường vuông góc. - Xác định được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. - Biết xét mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng.		Bài tập 6, 7	Tự học có hướng dẫn
		§4. Hai mặt phẳng vuông góc	*Về kiến thức:* Biết được : - Khái niệm góc giữa hai mặt phẳng; - Khái niệm và điều kiện hai mặt phẳng vuông góc;	3 (35, 36, 37)	HĐ 1, 3	Tự học có hướng dẫn
					Phần chứng minh Định lí 1và 2	Tự học có hướng dẫn

			- Tính chất hình lăng trụ đứng, lăng trụ đều, hình hộp đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương; - Khái niệm hình chóp đều và chóp cụt đều. *Về kỹ năng :* - Xác định được góc giữa hai mặt phẳng. - Biết chứng minh hai mặt phẳng vuông góc - Vận dụng được tính chất của lăng trụ đứng, hình hộp, hình chóp đều, chóp cụt đều vào giải một số bài tập.		Bài tập 4, 11	Khuyến khích học sinh tự làm
		§5. Khoảng cách	*Về kiến thức:* - Biết khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng; - Khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng; - Khoảng cách giữa hai đường thẳng; - Khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song; - Khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song; - Đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau; - Khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau. *Về kỹ năng:* - Xác định được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng; - Khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng;	2 (38, 39)	HĐ 1, 2, 3, 4, 6	Tự học có hướng dẫn
					Bài tập 1, 6	Khuyến khích học sinh tự làm
			- Khoảng cách giữa hai đường thẳng; - Khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song; - Khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song;			

			- Đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau; - Khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau.			
		Ôn tập chương III		2 (40, 41)		
		Ôn tập cuối HK II		2 (42, 43)		
		Kiểm tra cuối HK II		1 (44)		
		Trả bài kiểm tra cuối HK II		1 (45)		